TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2023/DS-ST
Ngày: 09/8/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý;

2. Bà Bùi Diệu Huệ.

Thư ký phiên tòa: bà Lương Châu Nguyệt Thiện- là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: ông Trương Hoài Ninh -Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2023/TLST- DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: phường X, quận Y, thành phố Z.

Người đại diện theo pháp luật: bà N.Đ.T.D.

Đại diện theo ủy quyền: Công Ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng A(Công ty B).

Đại diện theo pháp luật của công ty: ông L.N.T.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: ông P.T.T, sinh năm: 1994.

Địa chỉ thường trú: Phường A, quận B, thành phố C

Theo giấy ủy quyền số 116/2023/UQ-TGĐ ngày 01/02/2023.

Ông P.T.T có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: bà L.T.T.N, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Phường A, quận B, thành phố C

Bà L.T.T.N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần A và bản tự khai của đại diện nguyên đơn tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A có ông P.T.T làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 20/03/2015 bà L.T.T.N có ký với Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích: tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,5%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 16.800.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 17.271.000 đồng *(chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm)*. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/08/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quả hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 11.030.027 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 09/8/2023, bà N còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc 11.030.027 đồng.

Nợ lãi quá hạn 30.264.660 đồng.

Tổng số tiền là: 41.294.687 đồng (bốn mươi mốt triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi bảy đồng).

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 11.030.027 đồng với lãi suất quá hạn là 3.75%/tháng (2.5% x 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Ngân hàng TMCP A yêu cầu Tòa án buộc bà L.T.T.N phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/8/2023 là 41.294.687 đồng trong đó:

Nợ gốc là: 11.030.027 đồng.

Nợ lãi quá hạn là: 30.264.660 đồng.

Bà L.T.T.N còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/8/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/3/2015 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A).

Vụ án không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu. Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục và thời hạn xét xử. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L.T.T.N phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/8/2023 là 41.294.687 đồng trong đó: nợ gốc là: 11.030.027 đồng, nợ lãi quá hạn là: 30.264.660 đồng. Bà L.T.T.N còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/8/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/3/2015 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A). Căn cứ vào Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và bà L.T.T.N là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn bà L.T.T.N

có nơi cư trú tại số 266A đường Nguyễn Thị Tú, khu phố 2, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Tân theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bà L.T.T.N là bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N là phù hợp.

[2.2] Mặc dù, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà L.T.T.N đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Có nghĩa là bà N đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bà N phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A buộc bà L.T.T.N phải thanh toán số tiền gốc và lãi quá hạn là 41.294.687 đồng trong đó: nợ gốc là 11.030.027 đồng, nợ lãi quá hạn là: 30.264.660 đồng theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/3/2015 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A), Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức của Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/3/2015 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A) được lập thành văn bản, phù hợp với quy định tại Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Về mặt nội dung của Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, chủ thể giao kết hợp đồng Ngân hàng thương mại cổ phần A là một tổ chức tín dụng, được phép cấp tín dụng; bà L.T.T.N có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Ngân hàng thương mại cổ phần A và bà L.T.T.N tự nguyện giao kết hợp đồng. Do đó, hợp đồng phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên.

[3.2] Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A buộc bà L.T.T.N thanh toán số tiền theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy

đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/3/2015 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A), số thẻ 970403-2762 tính đến ngày 09/8/2023 nợ gốc là: 11.030.027 đồng, nợ lãi quá hạn là 30.264.660 đồng. Tổng số tiền là: 41.294.687 đồng (bốn mươi mốt triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi bảy đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

Về số tiền nợ gốc: căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/3/2015 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A). Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho bà L.T.T.N với hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích: tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,5%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 16.800.000 đồng và bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 17.271.000 đồng.

Theo thỏa thuận tại mục 2 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ tại Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng giữa Ngân hàng (sau đây gọi là bản điều khoản) và bà N đã thỏa thuận *"... thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh trên tài khoản do việc sử dụng thẻ bao gồm nhưng không giới hạn những khoản phí không hoàn lại, lệ phí và thuế theo quy định của pháp luật..."*. Bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đến ngày 06/8/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo thỏa thuận tại mục 23 của bản điều khoản. Nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số tiền 10.632.521 đồng và các khoản phí, lãi sang dư nợ gốc với số tiền tổng cộng là 11.030.027 đồng. Cho đến nay bà L.T.T.N vẫn chưa thanh toán số tiền này nên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 11.030.027 đồng (mười một triệu không trăm ba mươi ngàn không trăm hai mươi bảy đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về số tiền lãi: trong quá trình thực hiện Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/3/2015 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A), bà L.T.T.N là bên vi phạm hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, không trả lãi đúng hạn quy định theo hợp đồng nên nguyên đơn đã áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại mục 23 của bản điều khoản với mức lãi suất là 150% lãi suất trong hạn. Thỏa thuận này phù hợp theo quy định Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Nguyên đơn đã cung cấp bảng tính lãi trong đó có xác định rõ lãi trong hạn và lãi quá hạn trên nợ gốc chưa thanh toán

tương ứng với thời hạn vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 30.264.660 đồng (ba mươi triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn sáu trăm sáu mươi đồng). Do đó yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[3.4] Đối với yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh kể từ sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 10/8/2023 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/3/2015 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A) cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A được chấp nhận nên bị đơn bà L.T.T.N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.064.734 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn bảy trăm ba mươi bốn đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí là 960.325 đồng (chín trăm sáu mươi ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0010760 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 36, 39, 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

2. Buộc bà L.T.T.N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền 41.294.687 đồng (bốn mươi mốt triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc là: 11.030.027 đồng, nợ lãi quá hạn là: 30.264.660 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/3/2015 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà L.T.T.N còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/3/2015 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và bà L.T.T.N cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L.T.T.N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.064.734 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn bảy trăm ba mươi bốn đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 960.325 đồng (chín trăm sáu mươi ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0010760 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiếu